TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG TRÔM** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 09-5-2019
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa chị P và anh T"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Thị Thu Trang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Minh Hùng.

Ông Đặng Hữu Đức.

- Thư ký phiên toà: Bà Huỳnh Như Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thương – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện G, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 26/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2019 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 105/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thùy Mai P, sinh năm: 1981.
Địa chỉ: Ấp KN, xã BH, huyện G, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Anh Huỳnh Khánh T, sinh năm: 1978.
Địa chỉ: Ấp KN, xã BH, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Tại phiên tòa, chị P có mặt, anh T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 16/01/2018, bản tự khai ngày 14/02/2019 và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Lê Thùy Mai P trình bày:

Hôn nhân của chị và anh Huỳnh Khánh T là do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BH vào năm 2004. Trong quá trình chung sống, anh T hay say xỉn, chửi mắng và đánh đập chị, có lần chị phải nhập viện điều trị. Chị nhẫn nhịn nhưng anh T vẫn không thay đổi nên chị không thể chấp nhận được. Vì vậy, chị và các con về nhà mẹ ruột của chị sinh sống cách nay hơn một năm.

Chị nhận thấy cuộc sống hôn nhân đã không còn hạnh phúc, mâu thuẫn giữa chị và anh T đã trầm trọng, vợ chồng không còn quan tâm giúp đỡ nhau trong cuộc sống nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Quá trình chung sống, chị và anh T có hai người con chung là Huỳnh Lê Khánh D, sinh ngày 14 tháng 6 năm 2004 và Huỳnh Lê Ngọc T, sinh ngày 21 tháng 8 năm 2014. Hiện tại, các con đang sống chung với chị. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con chung, yêu cầu anh T cấp dưỡng cho hai con theo quy định pháp luật.

Chị không tranh chấp tài sản chung với anh T, chị và anh T không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện G đã thông báo và tổ chức các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T đều vắng mặt không lý do.

Do không thể tiến hành hòa giải được, Tòa án nhân dân huyện G đã đưa vụ án ra xét xử vào ngày 23 tháng 4 năm 2019, anh T vắng mặt.

Tại phiên tòa hôm nay, chị P chị vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G phát biểu ý kiến về tố tụng và về nội dung:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ vào các điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị P. Chị P được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Giao Huỳnh Lê Khánh D, sinh ngày 14 tháng 6 năm 2004 và Huỳnh Lê Ngọc T, sinh ngày 21 tháng 8 năm 2014 cho chị P tiếp tục nuôi dưỡng đến lúc trưởng thành, anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho hai con chung đến lúc trưởng thành theo quy định pháp luật.

Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung: Chị P không tranh chấp, không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Chị Lê Thùy Mai P có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Bến Tre giải quyết về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Huỳnh Khánh T. Anh T là bị đơn trong vụ án, cư trú tại ấp KN, xã BH, huyện G, tỉnh Bến Tre. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Bến Tre.

Anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thùy Mai P và anh Huỳnh Khánh T tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 15 tháng 7 năm 2004 tại Ủy ban nhân dân xã BH, huyện G, tỉnh Bến Tre nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ.

Tuy nhiên, theo chị P trình bày thì trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nhưng không tự giải quyết được. Hơn 01 năm nay chị và anh T không chung sống với nhau. Chị không còn tình cảm vợ chồng với anh T nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Sau khi thụ lý yêu cầu khởi kiện của chị P, Tòa án đã tiến hành thông báo cho anh T tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, mục đích hòa giải cho chị P và anh T đoàn tụ nhưng anh T vắng mặt, không có ý kiến, để cho chị P tự giải quyết.

Xét thấy, theo xác minh tại địa phương thì giữa chị P và anh T có mâu thuẫn với nhau, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T không lo làm ăn. Chị P xác định chị và anh T không còn tình nghĩa vợ chồng vì không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Đồng thời anh chị đã không chung sống với nhau trong thời gian dài. Từ đó có đủ cơ sở khẳng định hôn nhân của chị P và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị P để giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

[3] Về con chung: Chị P khai chị và anh T có 02 người con chung là Huỳnh Lê Khánh D, sinh ngày 14 tháng 6 năm 2004 và Huỳnh Lê Ngọc T, sinh ngày 21 tháng 8 năm 2014. Từ khi chị và anh T không chung sống với nhau thì các con sống với chị cho đến nay, được chị chăm sóc tốt. Chị yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi cả hai con, yêu cầu anh T cấp dưỡng cho hai con theo quy định pháp luật.

Cháu D đã trên 07 tuổi. Theo ý kiến cháu D muốn tiếp tục sống chung với chị P. Về phía anh T thì không có ý kiến về việc nuôi con, cấp dưỡng cho con sau khi ly hôn. Vì vậy, căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị P, giao cả hai con cho chị P tiếp tục nuôi dưỡng.

Theo quy định tại Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình thì sau khi ly hôn "Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con" nên yêu cầu cấp dưỡng cho con của chị P là có căn cứ, được chấp nhận. Vì vậy, buộc anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho mỗi con mỗi tháng 700.000đ (Bảy trăm nghìn đồng) cho đến khi con đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị P không tranh chấp tài sản chung, chị và anh T không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, chị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Theo quy định tại khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, anh T phải chịu án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

1. Về hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thùy Mai P. Chị Lê Thùy Mai P được ly hôn với anh Huỳnh Khánh T.

2. Về con chung: Giao Huỳnh Lê Khánh D, sinh ngày 14 tháng 6 năm 2004 và Huỳnh Lê Ngọc T, sinh ngày 21 tháng 8 năm 2014 cho chị Lê Thùy Mai P tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Huỳnh Khánh T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho mỗi con mỗi tháng 700.000đ (Bảy trăm nghìn đồng) đến khi con đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án là ngày 09 tháng 5 năm 2019.

Anh T có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với chị P.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp anh T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị P có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh T.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi việc cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp có yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị P trình bày chị không tranh chấp tài sản chung, chị và anh T không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Lê Thùy Mai P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000167 ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Bến Tre.

Anh Huỳnh Khánh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Phạm Thị Thu Trang

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND xã BH;
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.